

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 289/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1004/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 28B/186, đường NTN, ấp PH, xã PHĐ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Xuân V, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 34/2, đường HTB, ấp PT, xã PHĐ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 26 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Minh T trình bày như sau:

Bà và ông V có tìm hiểu nhau và tổ chức đám cưới vào năm 2013, tuy nhiên từ đó cho đến nay, cả hai vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi đám cưới, cả hai về chung sống với gia đình bên chồng, đến khi bà sinh con vào năm 2014 thì bà trở về cha mẹ ruột để tiện việc

sinh con và chăm con. Thời gian đầu, ông V có qua lại thăm vợ con. Đến năm 2020, vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, tính tình không hợp. Ông V chỉ thỉnh thoảng qua thăm con nhưng tình cảm vợ chồng của bà và ông V trở nên xa cách. Đến năm 2021, bà và ông V sống ly thân, không còn quan T lẫn nhau nữa. Bà nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà xin ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thùy Tr, sinh ngày 27/7/2014. Bà xin trực tiếp nuôi và không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Huỳnh Xuân V đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 26 tháng 6 năm 2023, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 7, 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Huỳnh Xuân V có nơi cư trú tại ấp PT, xã PHĐ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T:

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà T khai khi bà sinh con vào năm 2014 thì bà trở về cha mẹ ruột để tiện việc sinh con và chăm con. Thời gian đầu, ông V có qua lại thăm vợ con. Đến năm 2020, vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, tính tình không hợp. Ông V chỉ thỉnh thoảng qua thăm con nhưng tình cảm vợ chồng của bà và ông V trở nên xa cách. Đến năm 2021, bà và ông V sống ly thân, không còn quan T lẫn nhau nữa. Bà nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà xin ly hôn với ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị

đơn ông V vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông V không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, bà T xác định bà và ông V đã sống ly thân từ năm 2021 và bà T không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy bà T và ông V tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TLLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông V.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thùy Tr, sinh ngày 27/7/2014, hiện cháu Tr đang sinh sống cùng bà T. Bà T xin trực tiếp nuôi cháu Tr và ông V không có ý kiến gì về con chung. Qua tham khảo ý kiến của cháu Tr, cháu Tr có nguyện vọng sống cùng với bà T. Nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Tr, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Tr cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Nếu ông V có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Thông tư liên tịch 01/2016/TLLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Minh T và ông Huỳnh Xuân V.

2. Về con chung: Bà T được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Thùy Tr, sinh ngày 27/7/2014. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Nếu ông V có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018080 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Túy Phượng